ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÃ TIẾN LỘC, HUYỆN HẬU LỘC GIAI ĐOẠN 2021 ĐẾN NĂM 2030 (NAY LÀ XÃ TRIỆU LỘC, TỈNH THANH HÓA)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

TỶ LỆ: 1/5000

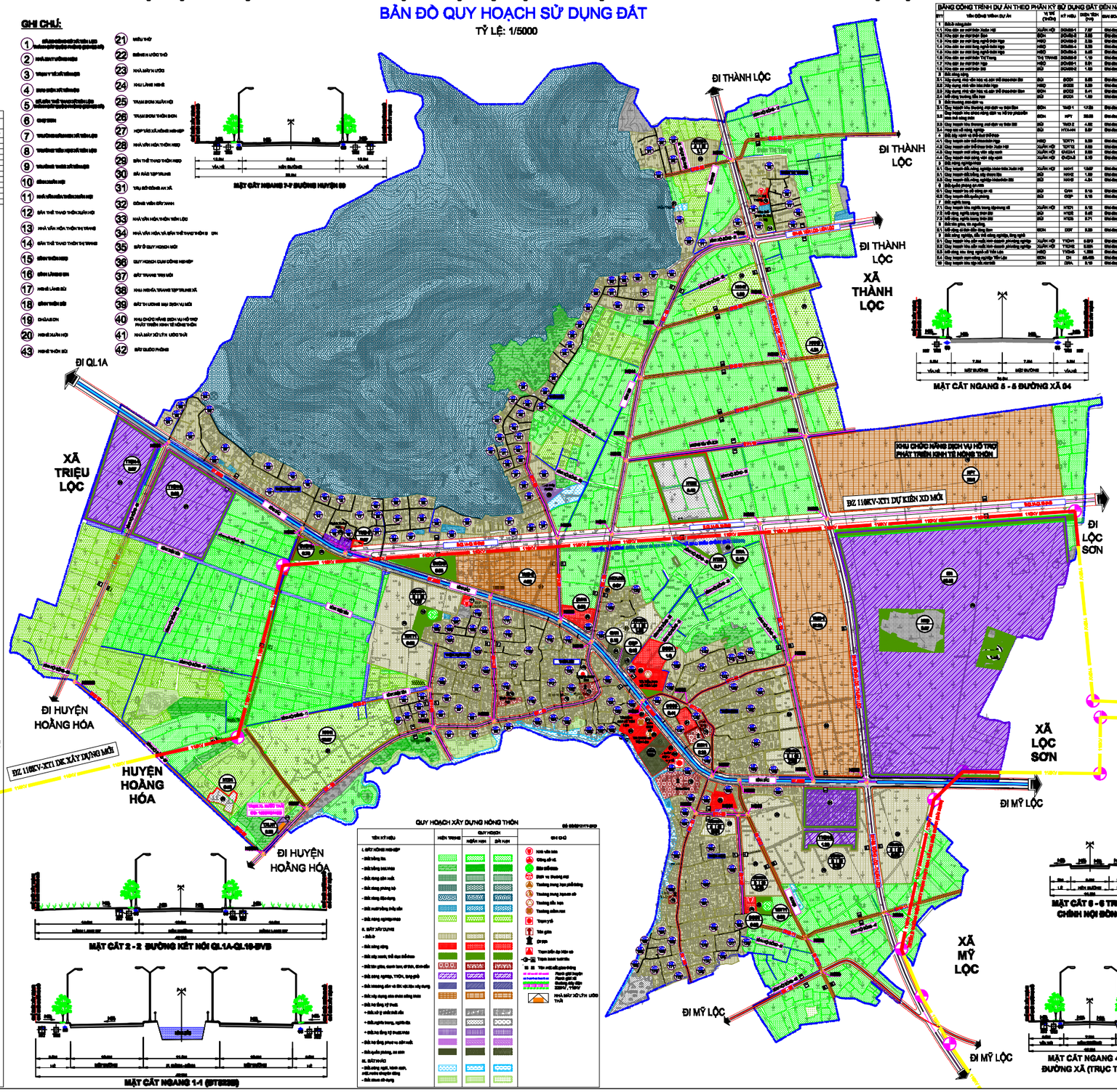

GHI CHÚ:

1. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn
2. Nhà ở riêng lẻ nông thôn
3. Trụ sở xã Triệu Lộc
4. Bến xe xã Triệu Lộc
5. Khu thể thao trung tâm xã
6. Chợ Sinh
7. Trường mầm non Triệu Lộc
8. Trường tiểu học số 1 Triệu Lộc
9. Trường trung học cơ sở Triệu Lộc
10. Đình Sinh Hạ
11. Nhà văn hóa trung tâm xã Hạ
12. Bến thể thao thôn Xuân Hội
13. Nhà văn hóa thôn Thị Trung
14. Bến thể thao thôn Thị Trung
15. Đình Thọ Hạ
16. Đình Lương Sơn
17. Nghĩa trang liệt sĩ
18. Đình Triều Sơn
19. Chùa Sơn
20. Nghĩa trang Xuân Hội
21. Miếu thờ
22. Đình Hà Nội Thổ
23. Nhà hành lưu
24. Khu lăng mộ
25. Trạm BTS Xuân Hội
26. Trạm BTS thôn Sơn
27. Hợp tác xã Kinh Nghiệm
28. Nhà văn hóa thôn Hạ
29. Bến thể thao thôn Hạ
30. Bến đào tạo trung
31. Trụ sở Đảng ủy xã
32. Đồng viên đầu xanh
33. Nhà văn hóa thôn Tiến Lộc
34. Nhà văn hóa và bến thể thao thôn 8
35. Bản đồ quy hoạch mới
36. Quy hoạch cụm công nghiệp
37. Bãi trang trí mới
38. Khu nhà ở tránh tập trung xã
39. Bãi tắm dịch vụ mới
40. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn
41. Nhà máy xử lý rác thải
42. Bãi quân phòng
43. Nghĩa thôn Sơn

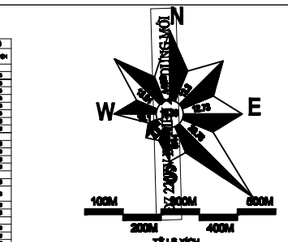

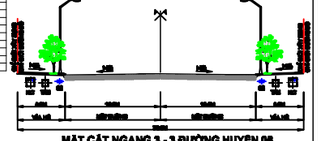

BẢNG CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THEO PHÂN KỲ SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

STT	TÊN CÔNG TRÌNH DỰ ÁN	VỊ TRÍ (THÔN)	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (HA)	DỰ KIẾN THỰC HIỆN
1	Đất nông nghiệp				
1.1	Xây dựng sản xuất trồng trọt	Xuân Hội	DCN/SX-1	7,57	Giai đoạn 2021-2030
1.2	Xây dựng sản xuất lâm	Sơn	DCN/SX-2	2,00	Giai đoạn 2021-2030
1.3	Xây dựng sản xuất ứng nghệ chăn nuôi	Hậu	DCN/SX-3	2,35	Giai đoạn 2021-2030
1.4	Xây dựng sản xuất ứng nghệ chăn nuôi	Hậu	DCN/SX-4	2,00	Giai đoạn 2021-2030
1.5	Xây dựng sản xuất ứng nghệ chăn nuôi	Hậu	DCN/SX-5	3,45	Giai đoạn 2021-2030
1.6	Xây dựng sản xuất lâm Thị Trung	Thị Trung	DCN/SX-6	1,10	Giai đoạn 2021-2030
1.7	Xây dựng sản xuất chăn nuôi	Hậu	DCN/SX-7	0,81	Giai đoạn 2021-2030
1.8	Xây dựng sản xuất lâm Sơn	Sơn	DCN/SX-8	1,00	Giai đoạn 2021-2030
2	Đất công nghiệp				
2.1	Xây dựng chợ nhỏ lẻ tại xã phù hợp quy hoạch	Sơn	DCN	0,05	Giai đoạn 2021-2030
2.2	Xây dựng trạm viễn thông Hậu	Hậu	DCN	0,03	Giai đoạn 2021-2030
2.3	Xây dựng trạm viễn thông Sơn	Sơn	DCN	0,01	Giai đoạn 2021-2030
2.4	Đất công trường thể dục	Sơn	DCN	1,00	Giai đoạn 2021-2030
3	Đất thương mại dịch vụ				
3.1	Quy hoạch khu thương mại dịch vụ thôn Sơn	Sơn	TMD-1	17,00	Giai đoạn 2021-2030
3.2	Quy hoạch khu thương mại dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Sơn	HT1	30,00	Giai đoạn 2021-2030
3.3	Quy hoạch khu thương mại dịch vụ thôn Sơn	Sơn	TMD-2	4,00	Giai đoạn 2021-2030
3.4	Quy hoạch cơ sở sản xuất	Sơn	KTC/HH	2,00	Giai đoạn 2021-2030
4	Đất cơ sở tôn giáo tín ngưỡng				
4.1	Quy hoạch nhà thờ Xuân Hội	Hậu	TCN/TT	0,30	Giai đoạn 2021-2030
4.2	Quy hoạch nhà thờ Xuân Hội	Xuân Hội	TCN/TT	0,60	Giai đoạn 2021-2030
4.3	Quy hoạch nhà thờ Xuân Hội	Xuân Hội	CH-DL-1	0,80	Giai đoạn 2021-2030
4.4	Quy hoạch nhà thờ Xuân Hội	Xuân Hội	CH-DL-2	0,10	Giai đoạn 2021-2030
5	Đất nông nghiệp khác				
5.1	Quy hoạch đất nông nghiệp khác thôn Xuân Hội	Xuân Hội	NKH	1,00	Giai đoạn 2021-2030
5.2	Quy hoạch đất nông nghiệp khác	Hậu	NKH2	1,00	Giai đoạn 2021-2030
5.3	Quy hoạch đất nông nghiệp khác thôn Sơn	Sơn	NKH3	1,00	Giai đoạn 2021-2030
6	Đất quốc phòng an ninh				
6.1	Quy hoạch đất quốc phòng an ninh	Hậu	QPA	0,10	Giai đoạn 2021-2030
6.2	Quy hoạch đất quốc phòng	Hậu	QCP	0,10	Giai đoạn 2021-2030
7	Đất nghĩa trang				
7.1	Quy hoạch khu nghĩa trang tập trung xã	Xuân Hội	NTD1	0,10	Giai đoạn 2021-2030
7.2	Quy hoạch nghĩa trang thôn Hậu	Hậu	NTD2	0,40	Giai đoạn 2021-2030
7.3	Quy hoạch nghĩa trang thôn Sơn	Sơn	NTD3	0,71	Giai đoạn 2021-2030
8	Đất cơ quan, trụ sở quan				
8.1	Mở rộng trụ sở UBND thôn Sơn	Sơn	CQT	0,20	Giai đoạn 2021-2030
9	Đất sông ngòi, ao hồ, đầm lầy, sông ngòi				
9.1	Quy hoạch khu vực cải tạo sông ngòi phương ngang	Xuân Hội	TSONG	0,00	Giai đoạn 2021-2030
9.2	Quy hoạch khu vực cải tạo sông ngòi phương ngang	Xuân Hội	TSONG	0,00	Giai đoạn 2021-2030
9.3	Mở rộng kênh tưới Nam Lam	Hậu	TSONG	0,00	Giai đoạn 2021-2030
10	Đất bằng chưa sử dụng				
10.1	Quy hoạch đất bằng chưa sử dụng	Sơn	DCH	0,00	Giai đoạn 2021-2030

Bảng 1: Bảng thống kê điều chỉnh quy mô, vị trí các khu chức năng

STT	Lô đất điều chỉnh	Diện tích theo phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh cục bộ		Tăng, giảm (+-)
		Ký hiệu	Diện tích (ha)	Ký hiệu	Diện tích (ha)	
1	Đất nghĩa trang nghĩa địa		7,36		7,36	
1.1	Điều chỉnh quy hoạch mở rộng diện tích đất nghĩa địa tại thôn Tiến Lộc	NTD-2	0,51	NTD-2	5,13	4,62
1.2	Điều chỉnh giảm diện tích đất nghĩa địa		5,22		0,60	-4,62
-	Điều chỉnh tách gộp vị giảm diện tích đất nghĩa địa tại thôn Xuân Hội	NTD-1	5,22	NTD-1	0,60	-4,62
2	Đất nhà văn hóa		0,66		0,66	
-	Điều chỉnh chức năng đất từng ứng sang đất nhà văn hóa thôn	DCC1	0,05	DVHL	0,06	
3	Đất quốc phòng		0,97		0,97	0,97
-	Bổ sung quy hoạch trụ sở làm việc; ban chỉ huy quân sự xã Triệu Lộc	1	0,35		0,35	0,35
-		5	0,62	CQP-1	0,62	0,62

Bảng 2: Bảng cân bằng quy hoạch sử dụng đất sau điều chỉnh cục bộ

STT	Mục đích	Số liệu hiện trạng và sau điều chỉnh cục bộ đến năm 2030		
		Diện tích được duyệt đến năm 2030 (ha)	Diện tích sau điều chỉnh cục bộ đến năm 2030 (ha)	Tăng giảm (+,-) ha
	Tổng diện tích đất tự nhiên	**764,11**	**764,11**	
1	Đất nông nghiệp	431,41	431,41	
1.1	Đất trồng lúa	207,88	207,48	
1.2	Đất trồng lúa nước	0,07	0,07	
1.3	Đất cây hàng năm			
1.4	Đất trồng đồng cỏ			
1.5	Đất trồng cây lâu năm	152,32	152,32	
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	1,30	1,30	
1.7	Đất làm muối			
1.8	Đất nông nghiệp khác	42,24	42,24	
2	**Đất xây dựng**	**331,06**	**331,48**	
2.1	Đất ở	96,79	96,79	
2.2	Đất chuyên dùng	6,97	6,42	-0,55
2.3	Đất cơ quan, tổ chức thể thao	3,23	3,73	+0,52
2.4	Đất tôn giáo, đình, đền, miếu, chùa, tín ngưỡng	2,23	2,23	
2.5	Đất công nghiệp, TT công nghiệp và tiểu nghề	69,25	69,25	
2.6	Đất khu khai thác, chế biến vật liệu xây dựng			
2.7	Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối	30,14	30,14	
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	76,14	76,14	
2.8.1	Đất giao thông	8,30	8,30	
2.8.2	Đất thủy lợi	15,85	15,85	
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,07	0,07	
2.9	Đất hạ tầng phục vụ du lịch	12,00	12,00	
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0,31	1,28	0,97
3	**Đất bằng**	**11,62**	**11,62**	
3.1	Đất bằng chưa, khó, trũng, ngập nước chuyên dùng	3,98	3,98	
3.2	Đất chưa sử dụng	3,64	3,64	

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRIỆU LỘC, TỈNH THANH HÓA
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2025

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ XÃ TRIỆU LỘC, TỈNH THANH HÓA
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2025

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2025

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
TRUNG TÂM CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG XÃ TRIỆU LỘC
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÃ TIẾN LỘC, HUYỆN HẬU LỘC GIAI ĐOẠN 2021 ĐẾN NĂM 2030 (NAY LÀ XÃ TRIỆU LỘC, TỈNH THANH HÓA)

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ SỐ	KHUÔN KHỔ	TỶ LỆ: 1/5000	NĂM 2025
THỂ HIỆN	KS LÊ TRỌNG TIẾN		
THIẾT KẾ	KS NGUYỄN VĂN HÒA		
CHỦ TRÌ	KS BÙI ĐÌNH BẢO		
TRƯỞNG PHÒNG			
GĐ KỸ THUẬT			
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM			

LOGO

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ THIẾT KẾ XÂY DỰNG THÀNH CÔNG